

# NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐỜI SỐNG TƯ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI

NGUYỄN VĂN DÂN<sup>(\*)</sup>

## I. Tư tưởng và hệ tư tưởng thời kỳ đổi mới

Theo nghĩa chung nhất, tư tưởng chính là sự suy nghĩ, là ý nghĩ. Theo một nghĩa đặc thù, tư tưởng là “Quan điểm và ý nghĩ chung của con người đối với hiện thực khách quan và đối với xã hội” (*Từ điển tiếng Việt*). Theo chúng tôi, nói chính xác hơn, tư tưởng là quan điểm và ý nghĩ của con người về hiện thực khách quan, về xã hội và về chính bản thân con người.

Như vậy, tư tưởng cũng chính là ý thức của con người về tồn tại khách quan của tự nhiên, xã hội và con người. Và, với tư cách là ý thức, tư tưởng nằm ở thượng tầng kiến trúc xã hội, chịu sự quyết định của tồn tại xã hội. Nhưng chúng ta ai cũng biết rằng, theo phép biện chứng duy vật lịch sử, ý thức xã hội lại có khả năng tác động trở lại tồn tại xã hội, thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của xã hội. Vì thế, người ta cũng nói đến tư tưởng tiến bộ, tư tưởng phản động, tư tưởng cấp tiến, tư tưởng bảo thủ, v.v...

Mặt khác, mặc dù tư tưởng chịu sự quyết định của tồn tại xã hội, nhưng nó không phải là con đẻ *trực tiếp* của tồn tại xã hội, mà là do tồn tại xã hội tạo ra thông qua tư duy của con người. Như thế, tư tưởng là sản phẩm trực tiếp của

tư duy con người, một loại sản phẩm tinh thần của con người. Và theo định nghĩa về văn hoá, thì mọi sản phẩm tinh thần của con người đều là văn hoá, cho nên tư tưởng con người cũng là một lĩnh vực của văn hoá. Chính vì vậy mà ở nước ta lĩnh vực tư tưởng được ghép với văn hoá, gọi là lĩnh vực tư tưởng-văn hoá.

Vì tư tưởng là một loại sản phẩm trực tiếp của tư duy con người, cho nên nó có nhiều cấp độ tồn tại: tư tưởng của một cá nhân, tư tưởng của một giai cấp, một tầng lớp xã hội, tư tưởng của một chế độ, tư tưởng của một dân tộc và tư tưởng của một xã hội. Tuy nhiên, trong một cộng đồng có chung lợi ích, tư tưởng của một cá nhân luôn có xu hướng gia nhập với tư tưởng chung của cộng đồng. “Những tư tưởng giống nhau đó được khái quát lại, được nâng lên thành hệ thống các quan điểm chung của một giai cấp nhất định, trở thành hệ tư tưởng” (Trích theo 1, tr.41). Vì thế, nghiên cứu tư tưởng của cộng đồng luôn có vai trò quan trọng trong việc nhận dạng để đánh giá vai trò động lực của tư tưởng đối với sự phát triển của xã hội.

Tác động của tư tưởng đến tồn tại xã hội có tầm quan trọng rất lớn, cho

---

<sup>(\*)</sup> PGS., TS., Phó Viện trưởng Viện Thông tin khoa học xã hội.

nên, ở mọi thời đại, mọi xã hội, giai cấp lãnh đạo và các giai cấp cách mạng luôn coi trọng lĩnh vực tư tưởng, coi nó là một “mặt trận” có tính quyết định đến sự thành bại của sự phát triển xã hội và con người.

Cho nên, việc theo dõi, tìm hiểu để nhận dạng tư tưởng cộng đồng luôn được đặt ở vị trí trung tâm chú ý của giai cấp lãnh đạo, đồng thời việc phát hiện những tư tưởng tiến bộ để nhân rộng và biến nó thành động lực của sự phát triển xã hội chính là nhiệm vụ trọng tâm của chính sách văn hoá, đặc biệt là của văn hoá chính trị.

Từ ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, sau là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến nay, xã hội nước ta đã trải qua những biến động to lớn, dẫn đến những thay đổi không ngừng trong tư tưởng của cộng đồng người dân Việt Nam, từ hệ tư tưởng phong kiến đã chuyển sang hệ tư tưởng dân chủ XHCN. Tuy nhiên, ngoài việc chịu sự quyết định của tồn tại xã hội trong nội bộ một đất nước, sự thay đổi của tư tưởng còn là kết quả của những tác động qua lại giữa nó với các hình thái ý thức xã hội khác, giữa nó với những lý thuyết tư tưởng của thời quá khứ và với những lý thuyết tư tưởng có xuất xứ từ bên ngoài. Ví dụ như khi nói về tư tưởng [ý thức] dân chủ-xã hội, Lenin cũng đã nói rõ: “Công nhân trước đây không thể có ý thức dân chủ-xã hội được. Ý thức này chỉ có thể là từ bên ngoài đưa vào...” (Trích theo 1, tr.45).

Trong tinh thần đó, hệ tư tưởng phong kiến Việt Nam trước đây chính là kết quả của sự ảnh hưởng mang tính quyết định của hệ tư tưởng Nho giáo từ Trung Quốc, nó chi phối nhân sinh quan

và lối sống của đại bộ phận người dân Việt Nam. Cuộc Cách mạng tháng Tám đã hạ bệ tư tưởng Nho giáo để đặt hệ tư tưởng Marx-Lenin du nhập từ Liên Xô lên vị trí dẫn đầu. Trong suốt hai cuộc kháng chiến của dân tộc, trong tư tưởng của cộng đồng người dân Việt Nam không có chỗ cho tư tưởng cá nhân. Trong điều kiện lịch sử như vậy, việc thống nhất tư tưởng có một ưu điểm là giúp cho giai cấp lãnh đạo Việt Nam huy động được tổng lực của toàn xã hội phục vụ cho các nhiệm vụ chiến lược của đất nước là đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước.

Trước vận mệnh của đất nước, mọi công dân Việt Nam đều tự giác hy sinh cái cá nhân vì cái tập thể. Những tư tưởng của cá nhân cũng chỉ là những điều tuân thủ tư tưởng cộng đồng. Trong giai đoạn đầu xây dựng CNXH, các lý thuyết ngoại nhập về CNXH và CNCS đã đặt ra những giáo điều cho tư tưởng mọi cá nhân. Đó là tư tưởng mình vì mọi người; tư tưởng làm chủ tập thể; tư tưởng coi CNTB đang đi đến chỗ diệt vong; tư tưởng về tính ưu việt của CNXH; tư tưởng đối đầu giữa CNTB/cái xấu xa với CNXH/cái tốt đẹp; tư tưởng bài trừ chế độ sở hữu tư nhân; tư tưởng về tính tối ưu của chế độ bao cấp; tư tưởng về nhà nước phúc lợi chung; tư tưởng đề cao tính chiến đấu của văn hoá và coi nhẹ chức năng giải trí của văn hoá-văn nghệ... Tất cả những tư tưởng này đều có chung một đặc trưng là duy ý chí, thoát ly các quy luật khách quan của thực tế.

Như vậy, từ chỗ không tôn trọng tính biện chứng trong mối quan hệ giữa tồn tại với ý thức/tư tưởng đi đến chỗ phóng đại vai trò của tư tưởng, hệ tư

tưởng trước Đổi mới của chúng ta đã xuất phát đúng nhưng tới đích sai, đi từ chủ nghĩa duy vật đến chủ nghĩa duy tâm duy ý chí, làm cho đất nước lâm vào cuộc khủng hoảng toàn diện, để cuối cùng chúng ta phải làm một cuộc Đổi mới mà theo chúng tôi, nó tương đương với một cuộc cách mạng trong tư tưởng.

Sở dĩ nói đó là một cuộc cách mạng tư tưởng là vì, mặc dù chúng ta vẫn kiên trì hệ tư tưởng Marx-Lenin, nhưng chúng ta đã đổi mới căn bản những tư tưởng chỉ đạo cụ thể về các mối quan hệ kinh tế và xã hội. Có thể nói, trong khi chúng ta vẫn duy trì mục tiêu của hệ tư tưởng Marx-Lenin, nhưng chúng ta đã đổi mới các tư tưởng chiến lược để đạt được mục tiêu đó. Các khái niệm như chuyên chính vô sản, làm chủ tập thể đã không được nhắc đến nữa, thay vào đó là những khái niệm kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế nhiều thành phần, tính nhân văn và dân chủ XHCN. Chúng ta bắt đầu chú ý đến tư tưởng chung sống hoà bình, đối thoại thay cho đối đầu; đề cao óc sáng tạo cá nhân, khuyến khích đa dạng hoá tư duy nhận thức và sáng tạo văn hoá... Ngay từ nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII năm 1998, Đảng ta đã tuyên bố các quan điểm chỉ đạo về xây dựng con người mới Việt Nam: Đó là con người có ý thức tập thể (chứ không phải là tinh thần làm chủ tập thể), nhưng phải “Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội”. Như vậy, câu này đã thu tóm đầy đủ một loạt tư tưởng mới: Đề cao đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng chuyên môn, óc sáng tạo, đề cao việc làm ra nhiều của cải, phục vụ [trước hết] cho lợi ích cá nhân, rồi đến lợi ích gia đình và lợi ích tập thể. Để đạt

được những tư tưởng mang tính mục tiêu đó, chúng ta đã phải từ bỏ nhiều quy định giáo điều không còn phù hợp với tư tưởng mới: Mọi người đều được làm kinh tế tư nhân, kể cả đảng viên.

## II. Những nhân tố tác động đến sự thay đổi trong đời sống tư tưởng thời kỳ đổi mới

Sở dĩ có được những thay đổi trên là do nhiều nhân tố tác động. Đúng từ góc độ quan hệ chủ thể – khách thể, chúng ta có nhân tố chủ quan và nhân tố khách quan; còn đúng từ góc độ không gian, chúng ta có nhân tố bên trong và nhân tố bên ngoài. Trên thực tế, hai cặp phạm trù này có thể chồng chéo lên nhau. Chẳng hạn, nhân tố chủ quan thường là nhân tố bên trong, nhưng không phải là tất cả các nhân tố bên trong; còn nhân tố khách quan thì bao gồm cả nhân tố bên trong lẫn bên ngoài. Chúng tôi phân ra như vậy để xác định rõ đặc trưng của từng loại nhân tố.

### 1. Nhân tố chủ quan

Tư tưởng của xã hội nước ta không phải tự nhiên mà có, nó là kết quả của quá trình giao lưu, phổ biến văn hoá. Quá trình giao lưu đó làm cho tư tưởng và văn hoá luôn luôn phát triển, không tồn tại cố định bất biến. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương toàn Đảng toàn dân phải thực hiện đấu tranh tự phê bình và phê bình. Đảng cũng đã nhiều lần nhận lỗi trước quốc dân đồng bào: lần nhận lỗi về sai lầm trong cải cách ruộng đất là một ví dụ. Đến giai đoạn Đổi mới, Đảng đã nhận thức được tư tưởng sai lầm trong chỉ đạo hợp tác xã theo kiểu cũ, kịp thời ra chính sách khoán 10 trong nông nghiệp, quyết tâm cải tạo giai cấp nông dân tập thể. Trên tinh thần đó, Hội Nông dân tập thể sau đó đã được đổi tên thành Hội Nông dân

Việt Nam (với tiền thân là Nông Hội Đỏ từ năm 1930). Ý thức tự giác đấu tranh phê bình và tự phê bình để nhận thức được cái đúng cái sai của mình đã trở thành truyền thống quý báu của Đảng ta. Ngày nay, chúng ta thấy bầu không khí phê và tự phê đang tỏ ra sôi động hơn bao giờ hết. Nó được thể hiện trong các cuộc chất vấn tại Quốc hội, trong việc một số quan chức cấp cao đã tự nhận lỗi trước dân, có bộ trưởng còn xin từ chức. Hay như sự kiện gần đây nhất về việc làm bộ phim Thái tổ Lý Công Uẩn, PGS., TS. Phạm Quang Long, Giám đốc Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội, cũng đã thẳng thắn nhận một phần trách nhiệm (Xem: 2).

Việc nhận thức được những hạn chế của những tư tưởng cũ để đổi mới tư duy, tức đổi mới tư tưởng, chính là nhân tố chủ quan tác động đến sự thay đổi của đời sống tư tưởng của người Việt Nam thời kỳ Đổi mới. Vì thế, trong công cuộc Đổi mới, Đảng ta nhấn mạnh trước hết đến đổi mới tư duy. Nói một cách khác, nhu cầu tự đổi mới được coi là động lực chủ quan trong truyền thống tư duy của người dân Việt Nam. Có thể nói, nhân tố chủ quan này chính là nhân tố nội lực quan trọng đầu tiên làm nên thành công của công cuộc Đổi mới.

Cũng có ý kiến cho rằng cái truyền thống tôn trọng gốc gác trong văn hoá phương Đông đã làm cho tư duy phương Đông nói chung kém năng động hơn so với phương Tây, có phần bảo thủ hơn và kém tính cách mạng hơn (Xem thêm 3). Điều đó có thể đúng. Nhưng theo chúng tôi có lẽ nên nhìn nhận văn hoá theo nhiều giai tầng. Ở giai tầng quan phương, tính bảo thủ thường tỏ ra bám chắc trong tư tưởng hơn, thông qua các

quy tắc nhiều khi chỉ được tuân thủ một cách bất thành văn chứ không được diễn quy hoá chặt chẽ theo logic ứng xử. Tuy nhiên ở giai tầng bình dân, tư tưởng có xu hướng vận động tự do hơn, phóng khoáng hơn, ít bị ràng buộc hơn. Điều đó được thể hiện ra thành các tác phẩm nghệ thuật mang tư tưởng phóng khoáng như tượng cặp đôi tại các đền đài ở Ấn Độ, tiểu thuyết bình dân kiểu *Thủy Hử*, *Kim Bình Mai*... ở Trung Quốc. Điều này cũng có thể giải thích tại sao vào thời kỳ tiền cải cách ở Trung Quốc đã có hiện tượng “khoán chui” của 18 hộ dân nghèo nhất tại huyện Phượng Dương tỉnh An Huy. Còn ở Việt Nam thì cũng đã có hiện tượng “khoán chui” xuất hiện trước Đổi mới hàng chục năm (chính xác là từ những năm 60 của thế kỷ XX dưới thời bí thư tỉnh uỷ Vĩnh Phúc Kim Ngọc) trước khi có Nghị quyết 10 khoá VI năm 1988 cho phép khoán hộ gia đình trong nông nghiệp (vì thế nghị quyết này đã được gọi bằng một cái tên rất ấn tượng là nghị quyết “khoán 10”, hay ngắn gọn là “khoán 10”). Chỉ một năm sau khi Nghị quyết khoán 10 ra đời, từ một nước thường xuyên phải nhập khẩu lương thực, lần đầu tiên chúng ta đã xuất khẩu được 1,42 triệu tấn gạo. Đấy chẳng phải là một ví dụ điển hình của tính năng động trong “tư duy tầng thấp” đó sao? Và động lực đổi mới tư tưởng hay tư duy cũng chính là ở đó, ở cái miền tư duy dân dã đó, cái miền tư duy luôn bám sát hiện thực của đời sống khách quan để bổ sung và đôi khi điều chỉnh cả miền tư duy của giai tầng quan phương.

## 2. Nhân tố khách quan

Quy luật khách quan của phát triển làm thành nhân tố tác động không thể

cưỡng lại đối với mọi hiện tượng xã hội. Những hiện tượng xã hội do ý chí con người áp đặt, trái với quy luật khách quan, ắt sẽ bị đào thải và thay thế. Ví dụ như trước đây chúng ta đã áp đặt tư tưởng về con đường đi lên CNXH không qua giai đoạn TBCN. Tuy nhiên, thực tế đã chứng minh tư tưởng này trái với quy luật khách quan, và vì thế nó đã dẫn đến khủng hoảng kinh tế-xã hội kéo dài cho đến khi chúng ta phải thực hiện công cuộc Đổi mới. Một ví dụ khác là tư tưởng làm chủ tập thể, nó đã dẫn đến tình trạng cha chung không ai khóc, sản xuất bị đình trệ... Thực tế khách quan sinh động đã tác động trực tiếp đến tư tưởng của người dân, làm xuất hiện những câu ca dao, những bài vè, những câu ngạn ngữ hiện đại, phản ánh đúng thực trạng xã hội trì trệ lúc đó, như: “XHCN” là “Xếp hàng cả ngày”...

Đến thời kỳ Đổi mới, hệ tư tưởng của Đảng và của người dân Việt Nam nói chung đã có những thay đổi cơ bản. Mặc dù vẫn kiên định đi theo chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhưng chúng ta đã chuyển từ tư duy đối đầu sang tư duy đối thoại. Khẩu hiệu của thời Đổi mới là “Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước”. Tư tưởng văn hoá chính trị của nước ta cũng có những thay đổi quan trọng. Ba năm sau khi phát động phong trào Đổi mới mang tính lịch sử của đất nước, đến Hội nghị Trung ương 6 khoá VI (tháng 3/1989) Đảng ta bắt đầu dùng khái niệm hệ thống chính trị thay cho khái niệm chuyên chính vô sản, và xác định phải đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị. Đến Đại hội VII, trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH*, Đảng ta đã chỉ rõ mục tiêu của hệ thống chính trị của chúng ta là

“xây dựng và từng bước hoàn thiện *nền dân chủ XHCN*, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân” (4, tr.19). Từ đó trở đi, phạm trù “hệ thống chính trị” được dùng phổ biến để thay thế cho phạm trù “hệ thống chuyên chính vô sản”. Về mặt cấu trúc và phạm vi, hệ thống chính trị mang tính chất rộng mở hơn nhiều so với cấu trúc và phạm vi của hệ thống chuyên chính vô sản. Có thể nói, với chủ trương đường lối xây dựng hệ thống chính trị XHCN như vậy, phạm trù “dân chủ” đã trở thành phạm trù trung tâm của hệ thống chính trị, trở thành mục tiêu và động lực của công cuộc đổi mới tư tưởng của dân tộc.

Như vậy, trong đời sống tư tưởng của người dân, kiểu tư duy “mệnh lệnh”, tư duy “bầy đàn” đã chuyển sang tư duy dân chủ, với khẩu hiệu “sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật”. Đó là một tư tưởng lành mạnh, phù hợp với xu thế hội nhập của thế giới. Tuy nhiên, trên thực tế, không phải mọi lúc mọi nơi chúng ta đã có được một nền dân chủ thực sự công bằng và văn minh. Đó là do ảnh hưởng của một thực tế khách quan khác: những tàn dư của thói quan liêu bao cấp trước đây còn rớt lại. Nó cũng tạo ra một luồng tư tưởng bất bình trong dân chúng trước hiện tượng “thoái hoá biến chất” của một bộ phận cán bộ quan liêu. Và nói cho cùng thì luồng tư tưởng này cũng là kết quả của tư tưởng dân chủ của nước ta. Nó làm thành một tư tưởng đấu tranh quyết liệt nhằm mục đích xây dựng một tư tưởng dân chủ tiến bộ.

### 3. Nhân tố bên trong

Những nhân tố bên trong dẫn đến sự biến đổi của đời sống tư tưởng của người dân Việt Nam bao gồm các nhân tố chủ quan như đã phân tích ở trên,

bên cạnh đó còn phải kể đến hai nhân tố quan trọng, có liên quan trực tiếp, đó là: Truyền thống văn hoá hoà bình của người dân Việt Nam; Sự ổn định chính trị của xã hội nước ta.

*a. Truyền thống văn hoá hoà bình*

Hàng ngàn năm đã chìm dưới ách đô hộ của phong kiến cũng như thực dân nước ngoài, vì thế ước muốn hoà bình của người dân Việt Nam luôn mạnh mẽ. Từ xa xưa, dân tộc ta đã quý trọng tư tưởng truyền thống yêu hoà bình. Mỗi lần đánh thắng quân xâm lược, ông cha ta đều duy trì quan hệ bang giao hoà hữu với các nước láng giềng. Tư tưởng đó cũng được thể hiện trong truyền thống văn hoá-văn nghệ qua truyện *Thạch Sanh* nổi tiếng: chu cấp lương thực cho kẻ thù để cho họ về quê. Đây cũng là một ví dụ minh hoạ sinh động nhất về văn hoá hoà bình của dân tộc ta.

Có thể nói, về mặt đối nội và đối ngoại, tư tưởng hoà bình trong truyền thống văn hoá của chúng ta là có nguyên tắc chứ không phải là tư tưởng đầu hàng, chịu nhục để cầu an. Đó là nguyên tắc coi trọng nhân nghĩa. Như Nguyễn Trãi đã đúc kết trong *Bình Ngô đại cáo*:

“Lấy đại nghĩa để thắng hung tàn

Lấy chí nhân để thay cường bạo”.

Đến thời đại Hồ Chí Minh, Bác cũng đã cụ thể hoá tư tưởng nhân nghĩa đó trong một câu thơ bất hủ: “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”. Chúng ta đánh cho Mỹ cút và ngụy đổ chứ không phải đánh để tiêu diệt hết quân xâm lược và bọn phản động bán nước. Với tư tưởng truyền thống đó, ngày nay chúng ta dễ dàng tiếp thu tư tưởng “lấy đối

thoại thay cho đối đầu”, “làm bạn với tất cả các nước” để tham gia cuộc chơi hội nhập quốc tế. Vì thế, trong đối nội chúng ta đã vận dụng tư tưởng cai trị bằng hệ thống chính trị dân chủ chứ không phải bằng hệ thống chuyên chính vô sản; trong đối ngoại chúng ta áp dụng đường lối đối thoại, khép lại quá khứ để hướng tới tương lai, chứ không theo chủ nghĩa biệt lập để dẫn đến bài ngoại và đối đầu. Tất cả những tư tưởng đó đều bắt rễ từ truyền thống văn hoá hoà bình của dân tộc.

*b. Truyền thống chính trị ổn định của xã hội Việt Nam hiện đại*

Chính trị ổn định cũng là một nhân tố quan trọng góp phần ổn định tư tưởng của người dân và dễ dàng tiếp thu tư tưởng đối thoại, hoà hữu giữa các dân tộc. Nó cũng gắn gũi với nhân tố truyền thống văn hoá hoà bình trên đây. Các nước tư bản lớn thường cho rằng phải có đảng phái chính trị đối lập mới là dân chủ thực sự.

Thực ra, việc tồn tại các đảng đối lập trong một quốc gia chính là thành quả của quá trình tự do hoá chính trường của thế giới hiện đại chứ không phải là bản chất của dân chủ. Theo chúng tôi, dân chủ theo đúng nghĩa phải là một nền dân chủ nghị trường phi đảng phái. Đảng phái chẳng bao giờ đại diện được cho toàn dân, mà chỉ là đại diện của một giai cấp, một tầng lớp xã hội để đấu tranh giành quyền lực chính trị và mục đích cuối cùng là đạt được quyền lợi về mọi mặt. Vì thế, xét theo một góc độ nào đó, việc có nhiều chính đảng tranh giành quyền lực chỉ có hại cho người dân chứ không phải là vì quyền lợi của toàn dân, càng ít có đảng đối lập thì đất nước càng ổn định và người dân càng được lợi. Và

về thực chất, một chế độ không có đảng đối lập thì dù một đảng hay một vài đảng liên minh cầm quyền cũng không có gì khác nhau. Trong tinh thần đó, nước Mỹ, Anh hay Nhật Bản cũng là những nước có nền chính trị ổn định vì thực chất chế độ của họ là chế độ liên minh giữa hai hoặc một vài đảng lớn chứ không phải là chế độ có đảng đối lập. Bất luận thế nào thì việc tranh giành quyền lực giữa các đảng phái cũng không phải là đồng nghĩa với nền dân chủ.

Bởi vậy theo chúng tôi, không nên gán vấn đề dân chủ với vấn đề một đảng hay đa đảng cầm quyền. Cần phải tiếp cận vấn đề dân chủ từ một bình diện và góc độ khác mà nó không thuộc phạm vi bàn luận của bài viết này. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn nói rằng sự ổn định chính trị là một nhân tố quan trọng để có một nền tư tưởng ổn định nhằm phục vụ cho phát triển đất nước. Sự ổn định chính trị không nhất thiết là do chế độ một đảng cầm quyền tạo ra, nhưng cũng không nhất thiết là cứ phải đa đảng thì mới có dân chủ. Có dân chủ mà không có ổn định chính trị để phát triển thì nền dân chủ đó sẽ trở thành vô nghĩa. Nếu chế độ một đảng cầm quyền không đem lại được tư tưởng ổn định để thực hiện nền dân chủ thì đảng đó sẽ phải xem xét lại vai trò của mình nếu không muốn đánh mất vị trí lãnh đạo. Chính vì thế mà chúng tôi coi nhân tố chính trị ổn định là nhân tố quan trọng để có được một nền tư tưởng ổn định, phù hợp với tư tưởng nhân nghĩa và hoà bình để hội nhập và phát triển.

#### 4. Nhân tố bên ngoài

Trong thời đại toàn cầu hoá ngày nay, nhân tố bên ngoài có một vai trò không thể xem nhẹ. Nhiều khi tác động

của nó có thể mang tính quyết định đến mọi lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực tư tưởng. Vì thế chúng tôi gọi nhân tố bên ngoài ở đây là *nhân tố toàn cầu hoá*.

Toàn cầu hoá đang làm cho thế giới thu nhỏ lại như một “ngôi làng toàn cầu” (chữ của McLuhan). Nó làm cho mọi người xích lại gần nhau, tiếp thu tư tưởng của nhau, làm cho đời sống tư tưởng con người trở nên đa dạng hơn và phong phú hơn bao giờ hết. Nếu như những nhân tố trước có khả năng huy động thống nhất tư tưởng của toàn cộng đồng, toàn xã hội để tạo ra sức mạnh tổng hợp, thì nhân tố toàn cầu hoá lại đem đến tư tưởng tự do để tạo ra khả năng đa dạng hoá và phong phú hoá trong tư duy nhận thức, nâng cao tư duy sáng tạo cho mỗi cá nhân. Mà tự do sáng tạo là một nhân tố rất quan trọng để đem lại giá trị văn hoá cho con người và xã hội. Vì thế, trong thời đại toàn cầu hoá ngày nay, hệ giá trị của con người trở nên phong phú chưa từng thấy.

Toàn cầu hoá là đỉnh cao của giao lưu. Nếu như nội lực bên trong là yếu tố không thể thiếu để làm thành cơ sở cho phát triển, thì giao lưu chính là nguồn lực để tạo ra giá trị gia tăng. Ở Nhật Bản vào nửa cuối thế kỷ XIX, ông vua Minh Trị đã phải tiến hành một cuộc đấu tranh kiên quyết với những tư tưởng bảo thủ để tiến hành cuộc cải cách duy tân nổi tiếng (năm 1868), mở cửa đất nước giao lưu với phương Tây, từ đó đưa nước Nhật phát triển tới đỉnh cao. Truyền thống mở cửa đó của người Nhật vẫn tiếp diễn cho đến ngày hôm nay, chứ không phải như nhiều người ở nước ta vẫn ngộ nhận rằng nước Nhật Bản hiện đại phát triển được là chỉ nhờ dựa vào truyền thống văn hoá của

mình. Trung Quốc thời hiện đại cũng đã phải kiên quyết từ bỏ chính sách bế quan toả cảng của nhà Thanh mới cất cánh lên được như bây giờ.

Theo đó, toàn cầu hoá cũng thúc đẩy việc đa dạng hoá và phong phú hoá tư duy nhận thức của người dân Việt Nam. Nhờ có những tư tưởng từ bên ngoài mà người dân ý thức được vai trò của mình. Người ta gọi việc đó là mở rộng dân chủ để người dân tham gia vào việc quản lý xã hội. Đó chính là sự thay đổi phương thức tư duy, *chuyển từ lối tư duy từ bên trên xuống sang tư duy từ dưới lên*, tức là phải xuất phát từ lợi ích của người dân để nhận thức vấn đề chứ không phải là xuất phát từ lợi ích của Nhà nước như trước đây. Trong tinh thần này, có một hiện tượng mới mẻ là ngày nay người dân Việt Nam bắt đầu ý thức được về vai trò của tiền thuế đóng góp của mình cho mọi chi tiêu của Chính phủ. Vì thế xuất hiện một tư tưởng cho rằng khi nhìn nhận một việc chi tiêu của chính quyền thì phải hiểu đó là chính quyền đang tiêu từ tiền thuế của dân chứ không phải từ tiền của Nhà nước, kể cả tiền vay của nước ngoài thì cũng sẽ phải lấy tiền thuế của dân để trả nợ.

Có thể nói, toàn cầu hoá là nhân tố quan trọng tác động đến sự biến đổi tư tưởng theo hướng thúc đẩy tự do sáng tạo và làm phong phú tư duy nhận thức.

### Thay lời kết

Đổi mới tư tưởng ở nước ta hiện nay vẫn đang diễn ra theo quy luật kế thừa và tiếp thu. Chúng ta có kế thừa tư tưởng của ông cha, và chúng ta tiếp thu những thành tựu tư tưởng tiến bộ của thế giới. Chúng ta không được phép lãng quên tư tưởng truyền thống của

dân tộc, nhưng cũng không được phép coi nhẹ những tinh hoa tư tưởng của thế giới, nhất là khi chúng ta đang sống trong thời đại toàn cầu hoá như ngày nay, khi mà ranh giới giữa bên trong với bên ngoài nhiều khi không còn xác định được một cách rạch ròi. Xưa kia Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phải đi một vòng trái đất mới tìm được tư tưởng Lenin. Còn giờ đây, mỗi người dân bình thường có thể chỉ với một cái nhấn chuột máy tính là hàng loạt tư tưởng của thế giới đổ về. Hiện tượng này có mặt tích cực là nâng cao tri thức cho người dân trong một xã hội mà ngày nay đang được mệnh danh bằng một từ rất mới là *xã hội tri thức*. Nhưng nó cũng có những tác động tiêu cực là có nguy cơ làm cho chủ nghĩa cá nhân phát triển một cách thái quá, đôi khi dẫn đến chủ nghĩa vô chính phủ, gây nên sự phá hoại đối với bất cứ một xã hội nào, kể cả ở phương Đông lẫn phương Tây. Vì thế, nhận thức rõ các nhân tố tác động đến tư tưởng của người dân sẽ giúp ta chắt lọc được những tinh hoa tích cực và loại bỏ những yếu tố tiêu cực để xây dựng một xã hội văn minh, nhân văn và dân chủ.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Phú Hiệp. Triết học và đổi mới. H.: Chính trị Quốc gia, 2008.
2. Phát ngôn và hành động hay nhất 2008 (1). [tuanvietnam.net](http://tuanvietnam.net), 26/12/2008.
3. Nguyễn Văn Dân. Phương Đông – Phương Tây: từ một bài thơ suy nghĩ về khác biệt và thống nhất. Tạp chí *Triết học*, số 2 (213), 2009.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. H.: Sự thật, 1991.